

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-3-2024

V/v “Tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình về ly hôn, con chung”

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Diệp

2. Ông Phạm Phước Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 21/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 602/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1977

Địa chỉ: khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Võ Quang C, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị N có mặt, anh C vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N và anh Võ Quang C chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 31/7/2007. Trong thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng từ năm 2020 cho đến nay thì chị N và anh C không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cự cãi. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cả hai bên không quan tâm chia sẻ với nhau, chị N và anh C đều có cuộc sống riêng, không chung sống từ năm 2021 cho đến ngày nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm nay chị Nguyễn Thị Huỳnh N yêu cầu được ly hôn anh Võ Quang C.

- Về con chung: Chị N với anh C có 02 con chung tên Võ Văn Đ, sinh ngày 10/9/2005 và Võ Hoàng K, sinh ngày 14/12/2008 hiện đang sống với anh C. Khi ly hôn chị N đồng ý để anh C tiếp tục nuôi dưỡng Võ Hoàng K, chị N không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Con chung là Võ Văn Đ đã trưởng thành tự lao động được, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ.

## **2. Bị đơn anh Võ Quang C:**

Đối với bị đơn anh Võ Quang C đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

\* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

+ Căn cước công dân của chị N (bản photo);

+ Trích lục kết hôn của chị N anh C (bản sao);

+ Giấy khai sinh của Võ Văn Đ (bản sao);

+ Giấy khai sinh của Võ Hoàng K (bản sao).

- Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Huỳnh N về việc yêu cầu được ly hôn với anh Võ Quang C, nên

Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại **ấp A, xã M, huyện C** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Anh **Võ Quang C** mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh **Võ Quang C**.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Huỳnh N** và anh **Võ Quang C** tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại **UBND thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp** vào ngày 31/7/2007 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống thì nay chị **N** yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân không thể tiếp tục, sống chung không còn hạnh phúc, hiện nay vợ chồng đã không còn yêu thương nhau. Chị **N** và anh **C** có cuộc sống riêng, không còn liên lạc gặp gỡ nhau. Về phía anh **C** là bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo của tòa án nhưng không có ý kiến, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa. Như vậy, có căn cứ nhận định anh **C** không có thiện chí hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng như chị **N** trình bày là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Nguyễn Thị Huỳnh N**.

- Về con chung: Chị **N** với anh **C** có 02 con chung tên **Võ Văn Đ**, sinh ngày 10/9/2005 và **Võ Hoàng K**, sinh ngày 14/12/2008 hiện đang sống với anh **C**. Khi ly hôn chị **N** đồng ý để anh **C** tiếp tục nuôi dưỡng **Võ Hoàng K**, chị **N** không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Con chung là **Võ Văn Đ** đã trưởng thành, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Xét thấy, hiện nay con chung **Võ Hoàng K** đang sống với anh **C**, do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển của cháu **K** và chị **N** đồng ý để cháu **K** tiếp tục chung sống với anh **C** là phù hợp nên chấp nhận. Anh **C** cũng không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì đối với nội dung con chung và

cấp dưỡng nuôi con. Do đó, anh **C** được quyền tiếp tục nuôi dưỡng **Võ Hoàng K.** Chị **Nguyễn Thị Huỳnh N** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Đối với, con chung tên **Võ Văn Đ** đã trưởng thành, có khả năng lao động được, chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị **N** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị **N** đã nộp theo biên lai số 0000821 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của chị **Nguyễn Thị Huỳnh N.**

- Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Huỳnh N** được ly hôn với anh **Võ Quang C.**

- Về con chung: Anh **Võ Quang C** được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên **Võ Hoàng K**, sinh ngày 14/12/2008. Chị **N** không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con và anh **C** cũng không có yêu cầu. Chị **N** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Đối với, con chung tên **Võ Văn Đ** đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai số 0000821 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thị Nhã Quyên**



